

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/DS-ST

Ngày 16/6/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Nhót và ông Hoàng Minh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 504/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-DS ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: 45, đường D, Q1, TP. Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn B, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch E - Chi nhánh Đ; là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 40/2019/UQ- CT.HĐQT ngày 04/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Lê Anh V, chức vụ: Giám đốc QHKK; là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 002/2021/UQ- CNĐL-PGD ngày 17/02/2021 của Giám đốc Phòng giao dịch E Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: 249, đường L, phường E, Thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Lê Anh V người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/02/2019 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch E với ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N đã ký Hợp đồng tín dụng số 0033/2019/HĐTD-CN ngày 18/02/2019, khế ước nhận nợ số 0033/2019/KUNN -CN ngày 20/02/2019 với số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 9%/ năm trong 12 tháng đầu, từ tháng 13 trở đi lãi suất được điều chỉnh 06 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu (biên độ tối thiểu 4,5%/ năm), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay phục vụ nông nghiệp, phương thức trả theo kỳ, hình thức trả gốc là 12 tháng/ lần/ 05 kỳ, trả vào ngày 05 của tháng đến kỳ trả nợ, trả lãi là 06 tháng/ 01 lần. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N không trả tiền gốc cũng như tiền lãi. Đến kỳ trả nợ đầu tiên ông T và bà N đã vi phạm kỳ trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn tất cả các kỳ theo quy định. Khoản vay này Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chưa bán nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

Để đảm bảo về nguồn vốn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tại HĐTD số 0033/2019/HĐTD-CN ngày 18/02/2019, khế ước nhận nợ số 0033/2019/KUNN - CN ngày 20/02/2019 với tổng số tiền cả gốc và lãi là 897.215.789 đồng (*Tám trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm mười lăm nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: Tiền gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); tổng số tiền lãi 197.215.789 đồng (*Một trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 16/6/2021, trong đó lãi trong hạn: 149.649.815 đồng, lãi quá hạn 47.565.974 đồng.

Ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh đã thỏa thuận trong HĐTD số 0033/2019/HĐTD-CN ngày 18/02/2019, khế ước nhận nợ số 0033/2019/KUNN -CN ngày 20/02/2019 kể từ ngày 17/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trong trường hợp ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện trả nợ không đầy đủ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là giấy chứng nhận QSDĐ số BX 383634, thửa đất số 53, tờ bản đồ số 11 do UBND huyện Đ cấp ngày 09/9/2015 đứng tên ông Trần Thái D và bà Đậu Thị Mỹ H chuyển nhượng cho ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N theo hồ sơ số 002380.CN.002, diện tích đất 19143,5 m² đất tọa lạc tại: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, được ông T và bà N ký thế chấp bảo đảm tại hợp đồng thế chấp số 0033/2019/BĐ ngày 18/02/2019 để thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng thu hết nợ, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân hợp pháp khác của ông T và bà N để thu hồi nợ

Bị đơn bà Dương Thị N trình bày: Tại bản tự khai ngày 11/01/2021 bà N trình bày ngày 18/02/2019 vợ chồng bà ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch E tại Hợp đồng tín dụng số

0033/2019/HĐTD-CN ngày 18/02/2019, khế ước nhận nợ số 0033/2019/KUNN -CN ngày 20/02/2019 với số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận như trong hợp đồng, có thể chấp tài sản theo quy định. Lý do đền hạn không trả được là do gia đình gặp khó khăn, tiêu, cả phê giảm giá nên không trả được khoản nào. Nay gia đình đồng ý giao tài sản thế chấp để xử lý trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Bùi Văn T: Hiện nay, ông T và bà N còn sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, do Tòa án không tổng đạt trực tiếp được. Vì vậy, đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản vắng mặt theo quy định và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành tốt quá trình quá trình tham gia tố tụng; bị đơn chưa chấp hành tốt quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tại Hợp đồng tín dụng số 0033/2019/HĐTD - CN ngày 18/02/2019, khế ước nhận nợ số 0033/2019/KUNN - CN ngày 20/02/2019 với tổng số tiền cả gốc và lãi là 897.215.789 đồng (*Tám trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: Tiền gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); tổng số tiền lãi 197.215.789 đồng (*Một trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 16/6/2021, trong đó lãi trong hạn: 149.649.815 đồng, lãi quá hạn 47.565.974 đồng.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền cả gốc và lãi là 897.215.789 đồng (*Tám trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng*). Hiện nay, ông T và N có đăng ký hộ khẩu tại xã H. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có mặt tại địa phương. Tuy nhiên, cố tình trốn tránh không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được các văn bản tố tụng, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 173, Điều 174, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Xét nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0033/2019/HĐTD - CN ngày 18/02/2019, khế ước nhận nợ số 0033/2019/KUNN - CN ngày 20/02/2019 thì khoản vay dư nợ trong hợp đồng ông T và bà N đã để quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; tính đến ngày xét xử ông T và bà N còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); tổng số tiền lãi 197.215.789 đồng (*Một trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 16/6/2021, tổng cộng cả gốc và lãi là 897.215.789 đồng (*Tám trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng*). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (*có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử*).

[3.2] Xét Hợp đồng thế chấp số 0033/2019/BĐ ngày 18/02/2019 thì ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất để bảo lãnh nhằm bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã được lập thành văn bản, được đăng ký thế chấp theo quy định. Trường hợp đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích ông T và bà N được cấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản hợp pháp ông T và bà N đã thế chấp, phù hợp với quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[3.3] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 17/6/2021. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì ông T và bà N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0033/2019/HĐTD - CN ngày 18/02/2019, khế ước nhận nợ số 0033/2019/KUNN - CN ngày 20/02/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì ông T và bà N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng như đã thể hiện trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

[3.4] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông T và bà N không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3.5] Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông T và bà N để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc ông T và bà N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền gốc và lãi là 897.215.789 đồng = 36.000.000 đồng + (3 % của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng (là 97. 215. 789 đồng x 3%) = 2.916.473 đồng. Vậy án phí phải chịu là 38.916.473 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 70, 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 174, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, 320 Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền cả gốc và lãi là 897.215.789 đồng (*Tám trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: Tiền gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); lãi trong hạn 149.649.815 đồng, lãi quá hạn 47.565.974 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 16/6/2021

Kể từ ngày 17/6/2021, ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 0033/2019/HĐTD - CN ngày 18/02/2019, khế ước nhận nợ số

0033/2019/KUNN - CN ngày 20/02/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trong trường hợp ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 0033/2019/BĐ ngày 18/02/2019 đối với tài sản bảo đảm là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 383634, thửa đất số 53, tờ bản đồ số 11 do UBND huyện Đ cấp ngày 09/9/2015 đứng tên ông Trần Thái D và bà Đậu Thị Mỹ H chuyển nhượng cho ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N theo hồ sơ số 002380.CN.002, diện tích đất 19.143,5 m², tọa lạc tại Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng thu hết nợ, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân hợp pháp khác của ông T và bà N để thu hồi nợ theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, buộc ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N phải chịu và hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Bùi Văn T và bà Dương Thị N phải nộp 38.916.473 đồng (*Ba mươi tám triệu chín trăm mười sáu nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 17.394.000 đồng (*Mười bảy triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001934 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà